TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23**/2022/DS-ST
Ngày: 29 - 3 - 2022.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST - DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 03 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968.

Bà Lê Thị T, sinh năm: 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Khu phố Tri Tôn, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Triệu Phú H, sinh năm: 1983.

Chị Châu Mộng N, sinh năm: 1983

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

(Anh H, chị N có mặt; anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Tiến trình bày:

Ngày 20/7/2019, vợ chồng anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N có vay của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng và đóng lãi vào ngày 20 hàng tháng. Khi vay, vợ chồng anh H có cầm cố cho vợ chồng N giấy tay sang nhượng thành quả lao động nền nhà vào ngày 04/10/2012 giữa vợ chồng anh H với bà Võ Thị Mỹ H, giấy sang nhượng thành quả ngày 01/01/2016 giữa chị Châu Mộng N với chị Thị T, giấy sang nhượng nhân công đất nền 21/12/2002 giữa chị Phan Thị T với anh H. Anh H, chị N từ khi vay đến nay không có trả gốc và lãi cho vợ chồng ông N, bà Tiến.

Đến ngày 10/4/2020, vợ chồng anh H có tham gia dây hụi 10.000.000 đồng/tháng do vợ chồng ông N, bà T làm chủ hụi. Vợ chồng chị N hốt được số tiền 380.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi vợ chồng chị N đã đóng hụi chết và còn nợ lại vợ chồng ông N số tiền là 250.000.000 đồng.

Đến ngày 09/2/2021 (âm lịch), vợ chồng ông N chốt nợ với vợ chồng chị N với tổng số tiền còn nợ là 450.000.000 đồng và các bên có ghi biên nhận nợ.

Nay ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T yêu cầu anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N trả số tiền vay là 200.000.000 đồng và tiền hụi là 250.000.000 đồng, tổng cộng 450.000.000 đồng, không yêu cầu lãi; đồng thời, ông N và bà T đồng ý trả lại giấy tờ mà anh H, chị N đã cầm cố cho ông N, bà T. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N thống nhất trình bày:

Anh H, chị N thừa nhận còn nợ tiền hụi và tiền vay của vợ chồng ông N tổng số tiền 450.000.000 đồng. Đây là số tiền vay và tiền hụi mà anh chị đã thống nhất với vợ chồng ông N, bà T. Khi hai bên kết nợ, có viết biên nhận nợ đề ngày 9/2/2021 (âm lịch), chữ ký và chữ viết trong biên nhận nợ là của anh H, chị N tự ký và ghi biên nhận nợ.

Tại buổi hòa giải, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và chị N đồng ý trả số tiền còn nợ là 450.000.000 đồng, yêu cầu không tính lãi và xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông N, bà T là anh Nguyễn Thanh H có ý kiến*: Yêu cầu Toà án buộc anh H, chị N trả số tiền hụi, tiền vay còn nợ ông N, bà Tiến là 450.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Sau khi anh H, chị N thanh toán xong số tiền này thì ông N, bà T sẽ trả lại cho anh H, chị N các giấy tờ đã cầm cố là: Giấy tay sang nhượng thành quả lao động nền nhà vào ngày 04/10/2012, giấy sang nhượng thành quả ngày 01/01/2016, giấy sang nhượng nhân công đất nền 21/12/2002. Đồng thời, anh H không đồng ý yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết số tiền nợ của chị N.

- *Bị đơn chị Châu Mộng N có ý kiến*: Chị thừa nhận chữ ký, viết trong biên nhận ngày 9/2/2021 (âm lịch) do ông N, bà T cung cấp cho Toà án là của chị và anh H trực tiếp ký, ghi tên. Việc ký và ghi tên vào biên nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Chị đồng ý với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị xin trả dần số tiền 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N trả số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền nợ hụi là 250.000.000 đồng, tổng cộng 450.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện nguyên đơn thấy rằng: Giao dịch vay mượn và tham gia hụi là sự tự nguyện của các bên đương sự, quá trình giải quyết nguyên đơn ông N, bà Tiến với bị đơn anh H, chị N thống nhất với nhau về số tiền nợ và hụi với tổng

số tiền là 450.000.000 đồng nên có đủ căn cứ để buộc bị đơn anh H, chị N trả cho nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng. Đồng thời, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên cần xem xét ghi nhận.

Do đó, đề nghị H đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 468; Điều 471 của BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc đồng bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N trả cho nguyên đơn ông N, bà T số tiền 450.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi; đồng thời, buộc nguyên đơn ông N, bà T trả các giấy sang nhượng thành quả cho bị đơn anh H, chị N. Ngoài ra, buộc anh H, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Triệu Phú H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn anh Triệu Phú H.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T khởi kiện bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N phải trả số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền hụi 250.000.000 đồng nên quan hệ tranh chấp của vụ kiện được xác định đây tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và nợ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T với bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N thống nhất xác định:

Ngày 20/7/2019, vợ chồng chị Châu Mộng N và anh Triệu Phú H có vay của vợ chồng ông N số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận

5%/tháng, hiện nay vợ chồng anh H còn nợ số tiền này. Việc vay tiền có làm hợp đồng vay tài sản và khi vay vợ chồng anh H có thế chấp các giấy tay sang nhượng đất và căn nhà trên đất của vợ chồng anh H, chị N.

Ngoài ra, vợ chồng anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N có tham gia các dây hụi do ông N, bà Tiến làm chủ. Đến ngày 10/4/2020 (âm lịch), vợ chồng chị N hốt hụi được số tiền 380.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, vợ chồng chị N có đóng lại nhưng đóng không đầy đủ và hiện còn nợ lại số tiền 250.000.000 đồng. Đến ngày 09/02/2021 (âm lịch), vợ chồng ông N với vợ chồng anh H, chị N chốt lại số tiền vay và tiền hụi với tổng số tiền còn nợ vợ chồng ông N là 450.000.000 đồng và các bên có viết biên nhận nợ (BL 18).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 09/03/2022, anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N đều thừa nhận: Chữ ký và viết trong biên nhận nợ đề ngày 09/02/2021 (âm lịch) do ông N, bà Tiến cung cấp cho Toà án là của anh H, chị N trực tiếp ký và ghi họ tên. Việc chị N và anh H ký và ghi tên vào biên nhận ngày 09/02/2021 (âm lịch) là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N đồng ý trả số tiền 450.000.000 đồng cho vợ chồng ông N nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Riêng đối với yêu cầu xin trả dần của chị N, H đồng xét xử xét thấy: Chị N xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý. Cho nên, căn cứ Thông tư Liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TAND Tối Cao - VKSND Tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định việc quyết định cho đương sự trả một lần hay nhiều lần thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án khi bản án có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bị đơn chị N, anh H không yêu cầu lãi suất đối với số tiền còn thiếu. Yêu cầu không tính lãi của chị N đối với số tiền 450.000.000 đồng thống nhất với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông N, bà T. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị T với bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T với bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và nợ hụi.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Châu Mộng N; đồng thời, buộc anh Triệu Phú H cùng với chị Châu Mộng N phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T số tiền vay là 200.000.000 đồng, tiền hụi là 250.000.000 đồng, tổng số tiền là 450.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng)*.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 450.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N không trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T phải trả cho bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N giấy sang nhượng nhân công nền nhà ngày 21/12/2002 bên sang nhượng Phạm Thị T với bên mua Triệu Phú H; Giấy sang nhượng thành quả đất nền ngày 04/10/2012 giữa bên sang nhượng Võ Thị Mỹ H và Hồ S với bên mua anh Triệu Phú H và Giấy sang nhượng thành quả ngày 01/01/2016 giữa bên mua Châu Mộng N và bên sang nhượng Thị T.

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn anh Triệu Phú H và chị Châu Mộng N phải chịu án phí dân sự giá ngạch đối với số tiền 450.000.000 đồng là: 20.000.000 đồng + (50.000.000 đồng x 4%) = 22.000.000 đ *(Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng).*

- Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười một triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số 0001600 ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Triệu Phú H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. H ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Tú Quỳnh